

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-PT
Ngày 20 - 12 - 2022
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Bà Lê Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2022/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐ - PT ngày 08 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Đăng T, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 04/7/2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Trần Đăng T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Q kết hôn vào ngày 22/12/2000, trước khi cưới có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Mỹ, huyện Lập Thạch. Kết hôn xong, ông và bà Q về chung sống cùng nhau và cùng xây nhà trên đất của bà Q. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2005 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn:

Do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, bà Q ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, bà Q thường xuyên chửi bới, xúc phạm ông. Đến năm 2016, ông và bà Q ly thân, sau đó ông làm đơn xin ly hôn bà Q. Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch đã xét xử cho ông được ly hôn bà Q, xong bà Q kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm, khi đó ông vì thương con nên đã rút đơn xin ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng sau khi rút đơn, vợ chồng về chung sống cùng nhau được 2 đến 3 tháng thì lại xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Đến tháng 11/2021, ông và bà Q ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm, ông xin được ly hôn bà Q.

Con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Trần Thị Hải A, sinh ngày 27/3/2001 và Trần Thị Trang X, sinh ngày 20/02/2005. Hiện nay, cháu A đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu X, ly hôn ông để bà Q trực tiếp nuôi dưỡng và ông đóng góp nuôi con chung cùng bà Q là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà xác định điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như ông T trình bày là đúng. Kết hôn xong vợ chồng về chung sống cùng nhau, cùng nhau xây nhà trên đất riêng của bà. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác (cụ thể là có quan hệ bất chính với chị Văn Thị L ở thôn Y, xã S, huyện L) nên về nhà chửi bới, đánh đập bà, vợ chồng cãi chửi nhau. Đến năm 2021, ông T làm đơn xin ly hôn bà nhưng sau đó lại rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Sau khi rút đơn xin ly hôn, ông T về ở cùng bà được 11 ngày sau đó lại “chứng nào, tật ấy” tiếp tục lên Hà Giang ở cùng với chị L, thỉnh thoảng mới về thăm nhà, kinh tế gia đình không chăm lo. Quá trình giải quyết vụ án bà xác định vợ chồng không còn tình cảm nhưng vì các con chưa trưởng thành nên bà muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Tại phiên tòa bà xác định vẫn còn tình cảm với ông T nên bà xin đoàn tụ.

Con chung: Như ông T trình bày là đúng. Bà không đồng ý ly hôn nên bà không trình bày quan điểm về con chung. Trường hợp ông T quyết tâm bỏ đi không ở cùng bà thì bà xin nuôi con, ông T đóng góp nuôi con chung hay không là do ông T tự nguyện, bà không yêu cầu.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 53/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch quyết định: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho ông Trần Đăng T được ly hôn bà Nguyễn Thị Q

2. Xử về con chung: Giao cho bà Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Trang X, sinh ngày 20/02/2005 (Hiện nay cháu đang ở với bà Q). Ông T cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Q là 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2022 bà Nguyễn Thị Q kháng cáo xin đoàn tụ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật do kháng cáo không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q làm trong hạn luật định hợp lệ được chấp nhận.

[2]Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q xin đoàn tụ Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Q và ông T kết hôn vào ngày 22/12/2000, trước khi cưới có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Mỹ, huyện Lập Thạch. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2016 vợ chồng mâu thuẫn nên sống ly thân, năm 2021 ông T đã

làm đơn xin ly hôn sau đó rút đơn nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, bà Q thường xuyên chửi, xúc phạm ông, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông T xin ly hôn bà Q. Theo bà Q trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên chửi bới, đánh đập bà, không chăm lo kinh tế gia đình. Bà xác định vợ chồng không còn tình cảm nhưng do các con chưa trưởng thành nên bà xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung.

Như vậy, kể từ thời điểm ông bà ly thân đến nay đã 06 năm hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết cho ông T ly hôn với bà Q là có căn cứ.

Bà Q xác định vẫn còn tình cảm với ông T, bà sẽ có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng trong thời gian kháng cáo và chuẩn bị xét xử phúc thẩm thực sự bà Q không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bản thân ông T cũng không còn tình cảm nên không muốn đoàn tụ. Điều đó thể hiện việc bà Q xin đoàn tụ cũng chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Do vậy đề nghị xin ly hôn của ông T là có cơ sở cần giữ nguyên bản án sơ thẩm xử cho ông T được ly hôn bà Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật được thi hành.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình số 53/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch về quan hệ tình cảm: Cho ông Trần Đăng T được ly hôn bà Nguyễn Thị Q.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006380 ngày 09/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật được thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thúy Mai